

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5502/UBND-THNC
V/v nâng cao chỉ số năng lực cạnh
tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Giám đốc các sở, ban, ngành;
- Giám đốc Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Trong năm 2022, tình hình Chiến sự Nga - Ukraine xảy ra từ đầu năm ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; chi phí đầu vào tăng cao, giá nhiên liệu xăng dầu, giá hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển tăng cao đã ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của doanh nghiệp; đơn hàng giảm nên doanh nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm, phải ngưng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Tuy lãnh đạo tỉnh đã rất quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã có nhiều nỗ lực cố gắng nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhưng kết quả Điểm số PCI năm 2022 vẫn giảm so với năm 2021, thứ hạng giảm 7 bậc so với năm 2021 (*xếp hạng 29/63 tỉnh thành*).

Kết quả PCI Đồng Nai năm 2022, các chỉ số gia nhập thị trường, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động, thiết chế pháp lý tăng điểm nhưng số điểm tăng không cao, thứ hạng còn thấp so với các địa phương khác trong vùng; các chỉ số tiếp cận đất đai, tính minh bạch, hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động giảm điểm, trong đó chỉ số đào tạo lao động giảm liên tiếp 03 năm liền, đồng thời ở mức dưới 6 điểm và hai tiêu chí là tính minh bạch và thiết chế pháp lý & An ninh trật tự có thứ hạng rất thấp (hạng 54/63 và hạng 52/63 tỉnh thành). Nhìn chung, điểm số các chỉ số thành phần so sánh với 63 tỉnh, thành phố thì điểm số của các chỉ số tính minh bạch, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động và tiên phong của chính quyền, đào tạo lao động, thiết chế pháp lý vẫn còn thấp hơn giá trị trung vị của các tỉnh, còn nhiều lĩnh vực doanh nghiệp cho rằng gặp phiền hà khi giải quyết thủ tục hành chính cần tập trung cải thiện nhằm nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng.

Sau khi xem xét Báo cáo số 376/BC-SKHĐT ngày 23/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Đồng Nai năm 2022 (file điện tử gửi kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Kết quả PCI Đồng Nai năm 2022 giảm về điểm số (giảm 0,08 điểm) và giảm thứ hạng (giảm 7 bậc), kết quả đánh giá này không chỉ riêng về một ngành, địa phương nào mà là kết quả của doanh nghiệp đánh giá về hoạt động của cả hệ thống chính trị của tỉnh, vì vậy cần có giải pháp tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và khắc phục về hành vi giao tiếp, thái độ ứng xử của cán bộ công chức với doanh nghiệp. Để tiếp tục nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Đồng Nai trong năm 2023, yêu cầu các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức rà soát các chỉ số có liên quan, phân tích những chỉ số hợp lý và chưa hợp lý, qua đó xây dựng kế hoạch hành động, giải pháp cụ thể gắn với dịch vụ công của đơn vị để có lộ trình khắc phục những hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ công và hỗ trợ tích cực hơn cho doanh nghiệp; báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát và xây dựng kế hoạch hành động.

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và các Nghị quyết chuyên đề và Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ về phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy kinh tế số và chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đẩy nhanh thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 11/4/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cụ thể:

a) Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, có tính cạnh tranh, qua đó tạo động lực mới mạnh mẽ cho phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, cải tiến quy trình, thủ tục; cải cách thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại các cấp chính quyền, bảo đảm công khai, minh bạch,

tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện linh hoạt, phù hợp cơ chế kiểm tra, giám sát từ tiền kiểm sang hậu kiểm; giảm số lượng và tránh chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra.

b) Giao Văn phòng UBND tỉnh giám sát, đôn đốc việc sở, ngành và UBND các huyện trong việc triển khai giải pháp của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, triển khai hiệu quả hơn việc công bố các tài liệu pháp lý, các văn bản pháp luật của Trung ương và của tỉnh để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận. Chủ trì cải thiện Chỉ số Tính năng động và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh đối với chỉ số trên. Xây dựng website của UBND tỉnh đầy đủ các nội dung thông tin về quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế và các hoạt động khác của tỉnh,... nghiên cứu thiết kế trang website đảm bảo tính dễ tra cứu, bắt mắt.

Chỉ đạo Trung tâm hành chính công của tỉnh tiếp tục cải thiện chỉ số thời gian, chỉ số chi phí không chính thức đảm bảo giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, hạn chế chi phí không chính thức. Xây dựng và quản lý cán bộ công chức, viên chức trong việc hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính theo hướng vững chuyên môn đi kèm thái độ thân thiện, xử lý nghiêm cán bộ công chức khi thi hành công vụ tại Trung tâm hành chính công tỉnh có hành vi những nhiều đối với tổ chức, cá nhân đến giải quyết thủ tục hành chính. Chủ động đề xuất, thực hiện các biện pháp triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính viễn thông.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục cải thiện chỉ số gia nhập thị trường, đảm bảo thời gian đăng ký doanh nghiệp trong 03 ngày, hỗ trợ cá nhân, tổ chức trong việc soạn thảo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí trong công tác đăng ký doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý đấu thầu xây dựng, đẩy mạnh triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Với vai trò cơ quan thường trực hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tuyên truyền chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về vốn tín dụng cho vay đầu tư, sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tiêu thụ sản phẩm và các chính sách hỗ trợ khác trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm nâng cao chỉ số cạnh tranh bình đẳng.

d) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tập trung các biện pháp, triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể đơn giản hóa thủ tục liên quan đến đất đai, giải quyết hiệu quả việc tiếp cận đất đai của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thủ tục hành chính có liên quan về đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản. Tích cực tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp, tăng cường đối thoại chuyên đề để hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận quỹ đất. Bên cạnh các giải

pháp trên, Sở Tài nguyên và Môi trường cần chủ động xây dựng các giải pháp cải thiện chỉ số tiếp cận đất đai và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc cải thiện chỉ số trên.

e) Giao Sở Công Thương chủ trì phối với các đơn vị triển khai các giải pháp tăng cường các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện Hiệp định thương mại tự do, rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp trong tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết, kết nối hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp trong tỉnh trong việc tìm kiếm thị trường, tăng cường tổ chức, phát huy hiệu quả các cuộc hội chợ thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại đúng thị trường.

f) Giao Ban quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh triển khai thành lập các Khu, cụm công nghiệp, bảo đảm quy hoạch các khu cụm dành một phần diện tích đất để thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao.

g) Giao các Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải và UBND các huyện công bố đầy đủ bản đồ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông lên địa chỉ website của UBND tỉnh, của các sở, ngành và địa phương. Giao Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

h) Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng các giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo lao động. Nghiên cứu và tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ cho tuyển dụng lao động đối với các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích thu hút đầu tư. Xây dựng các thủ tục và điều kiện thành lập, hoạt động đối với các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập, tham mưu các giải pháp hỗ trợ tạo thuận lợi cho khu vực tư nhân trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội tham gia đào tạo nghề.

i) Giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Tòa án tỉnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp theo tinh thần của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Luật phá sản 2014 và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án. Tuyên truyền pháp luật, tập huấn có thay đổi về luật, tổ chức các cuộc thi, hội thảo nhằm nâng cao hiểu biết về luật cho các doanh nghiệp. Gia tăng hiệu quả hoạt động các cơ quan tư pháp, tổ chức giám sát và kiểm tra định kỳ đảm bảo khiếu kiện của doanh nghiệp được giải quyết.

k) Giao Công an tỉnh tăng cường các biện pháp giữ vững an ninh chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa cháy, nổ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thủ tục về phòng chống cháy nổ.

1) Giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm và chỉ đạo UBND từ xã đến huyện đẩy mạnh cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận quy hoạch, đất đai, các thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư, cấp phép, đăng ký kinh doanh.

3. Các nội dung liên quan đến cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Yêu cầu Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành; UBND cấp huyện khi thực hiện các báo cáo liên quan đến công tác cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, gặp gỡ doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn vướng mắc gửi báo cáo về UBND tỉnh và đồng gửi đến Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) để nắm bắt thông tin và tổ chức đánh giá điểm PCI phù hợp theo thực tế triển khai.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nội dung triển khai chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các đơn vị, tham mưu UBND tỉnh tổ chức giao ban hàng quý để rà soát, xử lý những khó khăn, vướng mắc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Liên đoàn TM và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Tòa án tỉnh, BHHH tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, THNC, Cổng TTĐT, HCC.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

II. TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN giai đoạn 2013 - 2022:

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG										
Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	7,12	7,41	7,93	8,08	8,05	8,12	7,13	6,48	6,92	7,16
Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên - Biến mới 2021	10	14	11	7	7	5,5	7	6	7	10
Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vị)	-	-	-	-	-	-	-	-	8%	0%
Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	7	7	7	7	7	5	4	6	7	5,5
Tỷ lệ DN phải chờ hơn BÀ tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	8,82%	12%	15,85%	19,80%	10%	15%	14%	18%	6%	7%
Thủ tục tại bộ phận Một cửa được hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	2,94%	2%	1,22%	2,97%	0%	3%	5%	12%	2%	0%
Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	24,89%	43%	57,94%	55,93%	83%	76%	59%	65%	69%	91%
Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	26,67%	63%	61,68%	67,80%	70%	88%	78%	65%	60%	100%
Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	-	-	-	-	28%	39%	60%	68%	58%	95%
Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	18,67%	29%	35,51%	39,83%	70%	82%	48%	47%	40%	89%
Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	10,67%	27%	33,64%	38,14%	75%	94%	56%	62%	51%	87%
Việc khai trình việc sử dụng lao động, để nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021 (DN Đồng ý)									58%	11%
Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - Biến mới 2021									56%	25%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021									55%	24%
Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021									54%	26%
Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - Biến mới năm 2021									50%	26%
Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021									47%	25%
Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021									11%	0%
Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021									23%	3%
Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021									26%	20%
TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI	6,97	5,48	5,26	5,53	6,55	6,19	6,06	7,01	7,37	6,77
Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	-	-	-	-	30	30	30	15	20	30
Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	-	-	-	-	8%	11%	22%	14%	19%	10%
Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	-	-	-	-	10%	11%	18%	14%	10%	14%
Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	-	-	-	-	21%	31%	33%	30%	23%	22%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai đơn giản hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021									31%	80%
Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021									13%	29%
Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - Biến mới năm 2021									6%	60%
Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	80,40%	69%	80,61%	76,35%	75%	63%	74%	81%	80%	64%
Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	28,18%	27%	22,83%	20,99%	26%	27%	23%	32%	31%	18%
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	3,01	2,45	2,47	1,77	1,72	2,04	1,62	1,67	1,83	1,69
% DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	77,48%	38,37%	43,59%	64,81%	51%	39%	41%	39%	-	-
DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	52,17%	16%	23,01%	31,62%	26%	38%	37%	62%	56%	33%
Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	34,78%	50%	15%	40,63%	20%	35%	22%	32%	16%	86%
Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	12,50%	19%	26,32%	36,17%	11%	12%	14%	7%	13%	5%
Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - Biến mới năm 2021									37%	44%
TÌNH MINH BẠCH	4,93	6,47	6,53	6,25	6,55	6,13	6,6	6,34	5,98	5,49
Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2,68	2,13	2,35	2,28	2,36	2,13	2,49	2,62	2,69	2,93
Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,16	3,03	3,09	2,95	2,97	2,57	2,97	3,04	3,02	3,10
Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	33,33%	65%	70,30%	65,99%	61,16%	62%	59%	38%	58%	37%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (%Đồng ý)	47,32%	50%	60,74%	59,42%	49,41%	47%	52%	53%	47%	50%
Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									35%	34%
Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể) - Điều chỉnh năm 2021	3,79%	5%	7,01%	5,63%	5,81%	3%	4%	8%	26%	27%
Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể) - Biến mới năm 2021									27%	27%
Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	33	40	37	38	44	44	44	44	53,88	44,53
Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									24%	28%
Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021									42%	68%
Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021									30%	26%
Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									40%	38%
Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	20,47%	42%	47,37%	43,20%	57,14%	58%	45%	62%	68%	54%
Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	44,70%	66%	72,67%	70,97%	66,67%	54%	91%	42%	54%	44%
Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	41,67%	88%	87,23%	75,86%	85,7%	91%	95%	82%	-	-
Mình bạch trong đầu thầu (% Đồng ý)	-	-	-	-	39%	44%	32%	73%	81%	51%
Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	-	-	-	-	46,88%	75%	42%	50%	59%	60%
Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	-	-	-	-	7	6	10	7	3	6

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC	6,93	6,53	6,59	6,55	6,51	7,00	8,02	8,05	7,93	8,03
Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	-	-	-	-	61,29%	71%	82%	79%	85%	81%
Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021									60%	80%
Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021									61%	79%
Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021									62%	80%
Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	80,09%	58%	58,72%	73,27%	64,62%	77%	82%	83%	84%	83%
Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	4	3	2	4	8	10	7,5	3	3	4
Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm - Điều chỉnh năm 2021	-	-	-	-	-	-	-	-	9%	5%
Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	-	-	-	-	13,83%	7%	9%	5%	9%	6%
Tỷ lệ DN nhận thấy cần bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	-	-	-	-	23,68%	8%	14%	22%	15%	7%
Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	7,88%	33,04%	36,36%	42,03%	22,12%	33%	32%	31%	31%	20%
Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	60,10%	49%	52,02%	72,45%	59,23%	70%	79%	80%	82%	80%
DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	73,04%	60%	61,54%	63,64%	64,12%	65%	61%	70%	82%	75%
Thu tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	61,65%	46%	44,44%	60,40%	50,39%	68%	62%	70%	78%	75%
Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	92,12%	87%	91,81%	95,96%	93,13%	95%	96%	96%	96%	92%
CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC	8,4	4,87	4,60	4,93	5,01	6,78	5,57	6,53	6,88	7,33
Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	44,44%	68%	77,84%	60,00%	59,25%	47%	50%	44%	36%	32%
DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	1,49%	6%	12,74%	13,28%	8,79%	5%	10%	4%	4%	1%
Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	21,29%	74%	73,94%	65,07%	66,94%	59%	63%	62%	64%	71%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	72,63%	64%	68,53%	50,00%	76,92%	65%	55%	45%	57%	57%
Tỷ lệ DN chỉ trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	-	-	-	-	53%	28%	39%	22%	20%	10%
Tỷ lệ DN chỉ trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	-	-	-	-	30%	31%	33%	54%	31%	46%
Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) - Biến mới năm 2021									22%	0%
Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021									61%	24%
Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%) - Biến mới năm 2021									21%	24%
Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) - Biến mới năm 2021									18%	15%
Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - Biến mới năm 2021									50%	47%
Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - Biến mới năm 2021									25%	28%
Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - Biến mới năm 2021									67%	100%
Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trùng thầu (% Đồng ý)	-	-	-	-	58,06%	50%	63%	18%	60%	-
Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)										30%
Doanh nghiệp lo ngại tình trạng "chạy án"	-	-	-	-	38,75%	16%	27%	31%	29%	-
Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)										21%
Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	89,34%	74%	76,51%	78,67%	76,03%	86%	86%	90%	85%	86%
CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	6,26	4,66	4,34	5,19	4,83	5,25	6,04	6,39	5,48	5,86

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									78%	81%
Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									39%	65%
Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021										34%
Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									26%	51%
Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									24%	51%
Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									16%	19%
Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									13%	8%
Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									20%	23%
Miễn, giảm thuế TNĐN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									20%	34%
Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	26,79%	34%	40,82%	35,88%	41,24%	34%	33%	15%	-	61%
DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% đồng ý)	21,25%	22%	26,97%	29,32%	26%	31%	26%	16%	-	-

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% đồng ý)	23,75%	24%	32,24%	25,56%	25%	31%	25%	13%	-	-
DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% đồng ý)	15,00%	17%	17,76%	19,55%	16%	25%	16%	9%	-	-
DNNN thuận lợi hơn trong thực hiện thủ tục hành chính (% đồng ý)	35,00%	19%	22,37%	26,32%	27%	26%	20%	13%	-	-
DNNN thuận lợi có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước (% đồng ý)	48,75%	22%	26,97%	27,07%	26%	29%	19%	11%	-	-
DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	30,37%	49%	54,86%	41,74%	49,41%	45%	52%	65%	-	-
Tình ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	29,52%	55%	53,38%	49,62%	50,98%	22%	42%	36%	-	-
DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	8,44%	39%	27,39%	34,31%	29,8%	13%	27%	25%	-	-
Miễn giảm thuế TTNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	8,44%	32%	28,66%	29,93%	24,03%	6%	24%	26%	-	-
Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI (% đồng ý)	9,33%	30%	21,66%	19,71%	29,8%	12%	22%	16%	-	-
Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh (% đồng ý)	13,33%	34%	28,66%	28,47%	30,77%	14%	25%	16%	-	-
"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	93,02%	76%	80,67%	75,38%	74,19%	57%	64%	52%	63%	52%
Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	25,77%	46%	56,55%	43,10%	52,8%	44%	46%	62%	-	-
TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIỀN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN	5,25	4,22	4,02	4,19	5,71	5,43	5,92	6,23	6,51	6,57
UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (%Đồng ý)	52,91%	65%	68,67%	72,73%	72,92%	77%	78%	87%	85%	86%
Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	33,80%	29%	25,95%	32,86%	31,53%	38%	38%	45%	52%	49%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề môi trường sinh (% Đồng ý)	48,31%	56%	52,08%	55,00%	57,78%	58%	71%	78%	80%	82%
Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	42,70%	79%	79,33%	84,43%	75,79%	82%	88%	73%	38%	46%
Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	31,18%	60%	63,89%	61,74%	63,74%	64%	62%	65%	53%	57%
Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/Văn bản trung ương: "trí hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì" (% DN)	46,04%	37%	37,74%	41,25%	16,95%	33%	32%	18%	35%	23%
Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	-	-	-	-	63,95	66%	71%	79%	82%	82%
Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									50%	47%
Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021									70%	73%
Doanh nghiệp được phản hồi của QCNN sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	-	-	-	-	97,06	94%	97%	84%	-	-
Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của QCNN tỉnh (%)	-	-	-	-	78,79	83%	89%	77%	-	-
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP	4,74	5,05	5,77	5,04	6,75	6,54	6,88	5,87	7,42	6,04
Thu tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									96%	87%
Thu tục để được QCNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									93%	100%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thủ tục để được giảm giá thuế mật bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									91%	72%
Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									91%	75%
Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									91%	68%
Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									95%	74%
Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021									93%	72%
Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - Biến mới năm 2021									20%	43%
Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - Biến mới năm 2021									58%	52%
Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - Biến mới năm 2021									26%	13%
Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - Biến mới năm 2021									60%	47%
Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	1,01%	1%	0,45%	1,11%	0,95%	0,75%	0,44%	0,45%	0,4%	1%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	48,78%	52%	82,86%	53,85%	55,1%	86%	74%	93%	96%	83%
ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG	5,26	6,27	5,91	6,68	6,73	6,32	6,75	6,55	5,75	5,74
Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021									67%	60%
Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021									29%	30%
Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021									32%	31%
Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (%) Đồng ý)	-	-	-	-	51,64%	47%	55%	53%	69%	51%
Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (%) Đồng ý)	-	-	-	-	34,17%	39%	43%	45%	54%	46%
Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)- Biến mới 2021									6,19	6.15
Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021									46,82%	47%
Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	2,35	4,23	5,13	4,66	6,18	3,94	7,28	5,88	1,48	5,06%
Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	2,25	2,76	5,11	3,37	4,95	4,79	4,61	2,45	4,59	4,57%
Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	97,34%	95%	91,3%	90,37%	90,43%	91%	93%	95%	52%	44%
Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại doanh nghiệp	30,78	35,46	32,26%	40,81%	44,93%	47%	45%	53%	22,5%	-
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%. TCTK)										21,89%
THIẾT CHẾ PHÁP LÝ & AN NINH TRẬT TỰ	4,81	5,29	5,44	5,15	5,77	6,18	6,4	6,85	6,92	7.05
Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tổ cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	30,67%	27%	31,52%	30,14%	30%	38%	32%	30%	44%	54%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	-	-	-	-	-	33%	35%	33%	43%	57%
Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	78,99%	77%	82,04%	79,22%	83%	87%	88%	89%	89%	92%
Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	1,89	1,04	0,52	0,23	0,47	1,41	1,79	2,14	1,15	1,27
Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	62,75%	53%	38,41%	44,81%	31%	54%	60%	69%	59%	57%
Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	93,33%	86%	85,42%	67,86%	100%	91%	92%	92%	97%	96%
Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	82,80%	80%	88,51%	83,33%	87%	86%	92%	92%	93%	88%
Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	66,27%	54%	54,42%	54,26%	62%	70%	72%	82%	86%	83%
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	63,86%	56%	61,11%	57,14%	68%	73%	74%	84%	85%	82%
Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	78,31%	69%	66,67%	63,20%	70%	76%	82%	85%	86%	86%
Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									80%	79%
Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021									75%	75%
Phán quyết của tòa án là công bằng (% Đồng ý)	76,92%	71%	78,77%	79,37%	85%	85%	88%	90%	90%	89%
Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	62,75%	53%	38,41%	44,81%	31%	54%	60%	69%	59%	57%
Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	-	-	-	-	45%	46%	51%	69%	71%	68%

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ DN bị trượt cấp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	-	-	-	-	12%	17%	11%	9%	8%	12%
Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	-	-	-	-	67%	67%	48%	38%	50%	72%
Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	-	-	-	-	4%	2%	0%	0,51%	0%	1%
Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	-	66%	70,08%	63,46%	69%	52%	49%	63%	33%	58%

* Chú thích: Những ô để trống do năm đó không có tiêu chí trên